

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày: 22-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Thẩm phán: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Nhân.
2. Ông Nguyễn Tiến Nam.
3. Bà Võ Thị Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Năm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn P (tên gọi khác: B), sinh năm 1997 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1971 và bà Mai Thị Mỹ T (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 12/11/2021 bị công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”).

Quá trình nhân thân:

- Ngày 03/4/2018 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/3/2022, tạm giam ngày 17/3/2022 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh H (tên gọi khác: B1), sinh ngày 17/10/1987 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố D, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân C, sinh năm 1944 và bà Mai Thị Phương Á, sinh năm 1957; vợ: Trương Thị Minh T1, sinh năm 1988 (đã ly hôn năm 2021); con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: 01 tiền án (Ngày 07/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử

phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 92/2019/HS-ST); tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân:

- Ngày 23/6/2005 bị Tòa án nhân dân thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 23/2005/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/3/2022, tạm giam ngày 17/3/2022 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh T - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Hoàng Văn P: Ông Hoàng Trọng Đ - Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Địa chỉ: C T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Lê Thanh H: Bà Lê Thị Trà M - Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Địa chỉ: I N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Đỗ Hưng H1, sinh năm 2005. Nơi cư trú: 6 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu H1: Ông Đỗ Quốc H2, sinh năm 1971. Nơi cư trú: 6 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Ông Lê Xuân C, sinh năm 1944. Nơi cư trú: A T, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trần Ngọc T2, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Đội 2, thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Đội 1, thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Lê Quang C1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Chị Huỳnh Thị Thanh T3, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Tổ dân phố I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 00 ngày 10 tháng 3 năm 2022, trên Quốc lộ A thuộc địa phận thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phát hiện bắt quả tang Hoàng Văn P đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra thu giữ của P 01 túi nilong màu vàng có 02 quai, bên trong có 01 túi nilon màu trắng buộc dây thun màu vàng một đầu, trong túi nilon màu trắng này là gói giấy màu vàng có dòng chữ “Y1” và “999”; trong gói giấy màu vàng có 3 gói giấy màu trắng được bọc nilon màu trắng và buộc dây thun màu vàng bên ngoài, bên trong ba gói giấy màu trắng có tất cả 30 gói nilon màu xanh được cuốn dây thun màu vàng bên ngoài, bên trong các gói nilon màu xanh này đều chứa các viên nén hình trụ tròn màu xanh, đỏ theo P khai nhận là ma túy, loại “hồng phiến”. Số ma túy này sau khi thu giữ được niêm phong theo quy định.

Căn cứ kết quả điều tra xác định nguồn gốc số ma túy thu giữ của Hoàng Văn P nêu trên là do P mua của Lê Thanh H, cụ thể:

Khoảng 11 giờ ngày 09/3/2022, Hoàng Văn P sử dụng điện thoại số 0763.622.675 của mình gọi điện cho Lê Thanh H qua số điện thoại 0941.046.050 hỏi mua 01 tấm ma túy, loại hồng phiến và được H đồng ý bán cho P với giá 75.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, P chuyển trả cho H số tiền 60.000.000 đồng qua số tài khoản 88883358888 của H mở tại Ngân hàng Q3 (MB) 02 lần, một lần 10.000.000 đồng và một lần 50.000.000 đồng bằng hình thức “Banking”, số tiền còn lại, P hẹn sau khi mua được ma túy sẽ trả.

Nhận được tiền của P, H liên hệ với một người tên Q1 ở thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị (theo lời khai của H, chưa xác minh được nhân thân, lai lịch của người này) đặt mua 01 tấm ma túy với giá 75.000.000 đồng, H chuyển cho Q1 42.000.000 đồng bằng hình thức “banking”, trong đó 40.000.000 đồng chuyển cho Q1 qua số tài khoản 0291000333207, chủ tài khoản là Huỳnh Thị Thanh T3 mở tại Ngân hàng TMCP N chi nhánh G; 2.000.000 đồng chuyển cho Q1 qua tài khoản 8667676767777, chủ tài khoản là Hoàng Văn Q2 mở tại Ngân hàng TMCP Q3, số tiền còn lại H khai là để trừ khoản tiền mà Q2 còn nợ H trước đó. Sau khi giao dịch mua được ma túy của Q2, H hẹn P ra thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nhận ma túy.

Khoảng 22h30 phút ngày 09/3/2022, Hoàng Văn P rủ thêm bạn gái là chị Đỗ Hưng H1, sinh năm 2005, trú tại 6 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đón taxi Vàng BKS 75A-136.13 do anh Lê Quang C1, sinh năm 1991, trú tại 4 L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế điều khiển đi thành phố Đ, Quảng Trị nhận ma túy theo hướng dẫn của H.

Đến khoảng 14h30 ngày 10/3/2022, có một người phụ nữ (không xác định được nhân thân, lai lịch) liên hệ và giao ma túy cho P tại đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi nhận được ma túy, P yêu cầu anh C1 điều khiển xe chở mình và chị H1 về thành phố H. Khi đến địa phận thuộc thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phát hiện, bắt quả tang đối với Hoàng Văn P và thu giữ toàn bộ số ma túy như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, có cơ sở xác định, ngoài lần mua ma túy của Lê Thanh H như trên, cũng bằng thủ đoạn và phương thức tương tự, vào ngày 23/02/2022, Hoàng Văn P đã mua của Lê Thanh H 01 gói ma túy khoảng 2.000 viên, loại hồng phiến với giá 28.000.000 đồng. Phước bắt xe taxi ra thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và được một người đàn ông giao cho 01 gói ma túy, sau đó đưa về thành phố H bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch tại đường T, phường Đ, thành phố H với giá 37.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài.

Tang vật thu giữ gồm: Ngoài số ma túy thu giữ của Hoàng Văn P khi tiến hành bắt người phạm tội quả tang nêu trên, cơ quan điều tra còn tiến hành thu giữ thêm:

Thu giữ của Hoàng Văn P: 01 điện thoại di động hiệu N1, vỏ màu đen, số Serial: 358902073114469, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0763622675; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu bạc, số Imei: 355401079897758, bên trong có gắn thẻ sim số điện thoại 0528785354; 01 điện thoại di động hiệu S, vỏ màu đen, có số Imei 1: 356446086070963, số Imei 2: 356446086070961, không gắn

thẻ sim, thẻ nhớ bên trong; 01 căn cước công dân số 046097020789 mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng E mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng A mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng M2 mang tên Hoàng Văn P.

Thu giữ của Lê Thanh H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu đen, số Imei: 351133756300533, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0941046050; 01 giấy chứng minh nhân dân số 197182354 mang tên Lê Thanh H; 01 thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Lê Thanh H, số 4089041086875143; 01 thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Lê Thanh H, 9704222018169680; 48 trang tài liệu ảnh chụp màn hình điện thoại di động tạm giữ của Lê Thanh H.

Thu giữ của Đỗ Hưng H1: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, vỏ màu đen, số Imei 1: 869604033924134, số Imei 2: 869604033924126, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0702393908; 18 trang tài liệu ảnh chụp màn hình điện thoại di động tạm giữ của Đỗ Hưng H1.

Tại Bản Kết luận giám định số 150/KL-KTHS ngày 12/3/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Có tổng cộng 6.015 viên nén hình trụ tròn (gồm 5.955 viên nén màu hồng và 60 viên nén màu xanh) thu giữ của Hoàng Văn P có tổng trọng lượng là 601,54 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSTTH-P1 ngày 28/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Hoàng Văn P, Lê Thanh H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm của cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh H 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ.

Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động hiệu N1, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0763622675; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0941046050; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu bạc, bên trong có gắn thẻ sim có số điện thoại 0528785354; 01 (một) điện thoại di động hiệu S, vỏ màu đen, không có gắn thẻ sim, thẻ nhớ bên trong.

Trả lại cho Hoàng Văn P: 01 căn cước công dân số 046097020789 mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng E mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng A mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng M2 mang tên Hoàng Văn P.

Trả lại cho Lê Thanh H: 01 giấy chứng minh nhân dân số 197182354 mang tên Lê Thanh H; 01 thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Lê Thanh H,

số 4089041086875143; 01 thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Lê Thanh H, 9704222018169680;

Trả lại cho Đỗ Hưng H1: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, vỏ màu đen, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0702393908.

Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải nộp lại số tiền 37.000.000 đồng, bị cáo Lê Thanh H phải nộp lại số tiền 88.000.000 đồng để sung công.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn P có quan điểm:* Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua trái phép chất ma túy” như Viện kiểm sát đã truy tố. Hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, bất hạnh, nên nhận thức của bị cáo không đúng mực. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H có quan điểm:* Hành vi của bị cáo đã phạm vào các tội “Mua trái phép chất ma túy” như Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân điều kiện phạm tội, gia đình có công với cách mạng, bị cáo đang nuôi con nhỏ. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/3/2022, Hoàng Văn P mua của Lê Thanh H 6.015 viên ma túy với giá 75.000.000 đồng nhằm bán lại cho người khác để kiếm lời thì bị phát hiện bắt quả tang tại xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, khi P đang vận chuyển ma túy từ Quảng Trị vào thành phố H, thu giữ toàn bộ tang vật. Ma túy thu được của Hoàng Văn P khi bị bắt là do Lê Thanh H bán cho P, loại Methamphetamine có tổng trọng lượng 601,54 gam. Ngoài ra, trước đó vào ngày 23/02/2022, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Hoàng Văn P mua của Lê Thanh H 01 gói ma túy khoảng 2.000 viên, loại hồng phiến với giá 28.000.000 đồng, sau đó bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch tại đường T, phường Đ, thành phố H với giá 37.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài. Với hành vi nêu trên các bị cáo Hoàng Văn P, Lê Thanh H đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 27/CT-VKSTTH-P1 ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo Hoàng Văn P, Lê Thanh H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là rất nguy hiểm, gây ra hậu quả rất xấu cho xã hội. Tuy nhiên, vì muốn thu lợi bất chính nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm lây lan, phát sinh các tệ nạn ma túy và các tệ nạn khác, làm mất trật tự, an ninh tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm nhằm để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có nhiều người cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết tổ chức phức tạp, nên không phạm tội có tổ chức. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Hoàng Văn P là người trực tiếp đi nhận ma túy sau khi đặt mua từ Lê Thanh H để bán cho người khác. Lê Thanh H là người bán ma túy cho P, nên hai bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai như nhau.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo Hoàng Văn P có 01 tiền sự, ngày 12/11/2021 bị công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”. Bị cáo Lê Thanh H có 01 tiền án, ngày 07/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 92/2019/HS-ST.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Hoàng Văn P, Lê Thanh H phạm vào tình tiết là phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; riêng bị cáo Lê Thanh H phạm vào tình tiết là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú, người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Lê Thanh H có bố ruột là ông Lê Xuân C được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên không có cơ sở để áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thanh H như đề nghị của người bào chữa.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, nhưng các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn cũng đủ để giáo dục các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng như sau:

- Tổng khối lượng ma túy sau khi giám định còn lại và các bao gói không còn giá trị, đây là chất độc hại, Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, số Serial: 358902073114469, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0763622675 thu giữ của bị cáo P và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu đen, số Imei: 351133756300533, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0941046050 thu giữ của bị cáo H. Đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần phải tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu bạc, số Imei: 355401079897758, bên trong có gắn thẻ sim số điện thoại 0528785354; 01 điện thoại di động hiệu S, vỏ màu đen, có số Imei 1: 356446086070963, số Imei 2: 356446086070961, không gắn thẻ sim, thẻ nhớ bên trong; 01 căn cước công dân số 046097020789 mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng E mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng A mang tên Hoàng Văn P; 01 thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Hoàng Văn P. Đây là các tài sản của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo P.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 197182354 mang tên Lê Thanh H; 01 thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Lê Thanh H, số 4089041086875143; 01 thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Lê Thanh H, 9704222018169680. Đây là các tài sản của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo H.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo, vỏ màu đen, số Imei 1: 869604033924134, số Imei 2: 869604033924126, bên trong gắn thẻ sim số điện thoại 0702393908. Đây là tài sản của cháu Đỗ Hưng H1 nên cần trả lại cho cháu H1.

Bị cáo Hoàng Văn P đã bán ma túy vào ngày 23/02/2022 thu được số tiền 37.000.000 đồng, nên buộc bị cáo P phải nộp số tiền 37.000.000 đồng để sung công.

Bị cáo Lê Thanh H đã bán ma túy vào ngày 23/02/2022 và ngày 10/3/2022 thu được số tiền 88.000.000 đồng, nên buộc bị cáo H phải nộp số tiền 88.000.000 đồng để sung công.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo Hoàng Văn P, Lê Thanh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Văn P 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 11/3/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: bị cáo Lê Thanh H 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 11/3/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) gói niêm phong kín bằng giấy trắng, băng keo trong; bên trong gói niêm phong có chứa chất ma túy và các vật liệu dùng để bao gói; bên ngoài gói niêm phong có 06 (sáu) chữ ký ghi họ tên Giám định viên Chu Văn P1, 06 (sáu) chữ ký ghi họ tên Điều tra viên Trương Thanh M1, 06 (sáu) dấu tròn đỏ của phòng K - Công an tỉnh T và dòng chữ “H3 mẫu vật vụ Hoàng Văn P, bắt ngày 10/3/2022”.

01 (một) túi nilong màu trắng, kích thước (35,5x22,5)cm; 01 (một) túi nilong màu vàng có dán băng keo bên ngoài, kích thước (24x14)cm; 01 (một) mảnh giấy màu trắng ghi “Y1-999”, kích thước (31x17)cm; 01 (một) túi nilong màu vàng có 02 quai xách, kích thước (49x30)cm; 01 (một) mảnh giấy trắng, ký hiệu số 1, kích thước (53x15)cm; 10 (mười) gói nilong màu xanh, kích thước (9x6)cm, ký hiệu lần lượt từ 1.1-1.10; 01 (một) gói nilong màu trắng, kích thước (17x10)cm, ký hiệu 1.11; 01 (một) mảnh giấy trắng ký hiệu số 2, kích thước (53x15)cm; 10 (mười) gói nilong màu xanh, kích thước (9x6)cm, ký hiệu lần lượt từ 2.1-2.10; 01 (một) gói nilong màu trắng, kích thước (17x10)cm, ký hiệu 2.11; 01 (một) mảnh giấy trắng ký hiệu số 3, kích thước (53x15)cm; 10 (mười) gói nilong màu xanh, kích thước (9x6)cm, ký hiệu lần lượt từ 3.1-3.10; 01 (một) gói nilong màu trắng, kích thước (17x10)cm, ký hiệu 3.11. Tất cả được niêm phong kín trong túi niêm phong mã số PS1A-056901, bên ngoài ghi “mẫu vật trong vụ Hoàng Văn P, ngày 10/3/2022”, có chữ ký ghi họ tên Trương Thanh M1, Lê Văn T4 và 02 dấu tròn đỏ của phòng K Công an tỉnh T.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu N1, vỏ màu đen, số Serial: 358902073114469, bên trong có gắn thẻ sim có số điện thoại 0763622675; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu đen, số Imei: 351133756300533, bên trong có gắn thẻ sim có số điện thoại 0941046050.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu bạc, số Imei: 355401079897758, bên trong có gắn thẻ sim có số điện thoại 0528785354; 01 (một) điện thoại di động hiệu S, vỏ màu đen, số Imei 1: 356446086070963, số Imei 2: 356446086070961, không có gắn thẻ sim, thẻ nhớ bên trong; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 046097020789 mang tên Hoàng Văn Phước; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng E mang tên HOANG VAN PHUOC; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng A mang tên HOANG VAN PHUOC; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB mang tên HOANG VAN PHUOC

- Trả lại cho bị cáo Lê Thanh H: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 197182354 mang tên Lê Thanh Hnh Hải; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB mang tên LE THANH HAI, số 4089041086875143; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB mang tên LE THANH HAI, số 9704222018169680.

- Trả lại cho cháu Đỗ Hưng H1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, vỏ màu đen, số Imei 1: 869604033924134, số Imei 2: 869604033924126, bên trong có gắn thẻ sim có số điện thoại 0702393908.

Toàn bộ số tang vật trên theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải nộp số tiền 37.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Thanh H phải nộp số tiền 88.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn P và Lê Thanh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT-Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh TT-Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT-Huế;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh TT Huế;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- Bị cáo;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu HSVA; THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Quang Bình